

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 267/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 12 - 2023

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Nga.
- Ông Trương Phước Công.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Cẩm Tiên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:**
Không tham gia.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 568/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 524/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 636/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Phương M, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Phạm Văn C, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương M trình bày:

Bà Nguyễn Thị Phương M và ông Phạm Văn C do quen biết tìm hiểu nhau trước, cả hai đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/7/2012 tại Ủy ban nhân xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường hay cự cãi

nên mâu thuẫn kéo dài và vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên bà **M** yêu cầu được ly hôn với ông **C**.

- Về con chung: có 03 con chung tên **Phạm Thị Phương T**, sinh ngày 04/7/2006; **Phạm Hoàng T1**, sinh ngày 30/6/2010; **Phạm Hoàng H**, sinh ngày 04/12/2016. Sau khi ly hôn bà **M** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông **C** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông **Phạm Văn C** đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông **C** đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Phương M** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông **Phạm Văn C** vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà **Nguyễn Thị Phương M** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn, nuôi con với ông **Phạm Văn C** nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông **Phạm Văn C** với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại **xã H, huyện C, tỉnh An Giang** nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân **huyện C, tỉnh An Giang**.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Phương M** có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông **Phạm Văn C**, đã được tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng ông **Phạm Văn C** không đến tham gia phiên Tòa. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà **Nguyễn Thị Phương M**, ông **Phạm Văn C**.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Phương M và ông Phạm Văn C là tự nguyện, ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì mâu thuẫn vợ chồng, bà Nguyễn Thị Phương M cho rằng trong thời gian chung sống, vợ chồng thường hay cự cãi bất đồng quan điểm sống nên mâu thuẫn kéo dài và vợ chồng hiện đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông C. Đối với ông C, trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C biết về việc bà M xin ly hôn với ông C cũng như tạo điều kiện để ông C, bà M hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông C không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không có ý kiến đối với việc bà M xin ly hôn với ông, điều này chứng tỏ ông C không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được xem xét chấp nhận.

Về quan hệ con chung: có 03 con chung tên Phạm Thị Phương T, sinh ngày 04/7/2006; Phạm Hoàng T1, sinh ngày 30/6/2010; Phạm Hoàng H, sinh ngày 04/12/2016. Sau khi ly hôn bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Qua yêu cầu xin được nuôi dưỡng con chung của bà M. Hội đồng xét xử nhận thấy trong thời gian vợ chồng ly thân thì các con do bà M nuôi dưỡng vẫn phát triển khỏe mạnh nên việc bà M xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với Điều 81 luật hôn nhân và gia đình cũng như nguyện vọng của các con chung nên được chấp nhận. Bên cạnh việc được nuôi dưỡng con chung thì bà M và các thành viên gia đình bà M phải tạo điều kiện để ông C được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà M không có yêu cầu.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Do bà M không yêu nên không xét đến.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Phương M và ông Phạm Văn C. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 118/2012, quyển số 01/2012, ngày

27 tháng 07 năm 2012 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà bà Nguyễn Thị Phương M và ông Phạm Văn C không còn giá trị pháp lý).

2. Về con chung: có 03 con chung tên Phạm Thị Phương T, sinh ngày 04/7/2006; Phạm Hoàng T1, sinh ngày 30/6/2010; Phạm Hoàng H, sinh ngày 04/12/2016.

Bà Nguyễn Thị Phương M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên con chung tên Phạm Thị Phương T, sinh ngày 04/7/2006; Phạm Hoàng T1, sinh ngày 30/6/2010; Phạm Hoàng H, sinh ngày 04/12/2016.

Bà Nguyễn Thị Phương M và các thành viên gia đình bà M tạo điều kiện để ông C được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu số 0013959, ngày 04/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà M đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền